

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI XUÂN TÙNG

**NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH
TỈNH NINH BÌNH**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 9340410

HÀ NỘI - 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng



Phản biện 1: PGS.TS. Hoàng Xuân Bình

Trường Đại học Ngoại thương

Phản biện 2: PGS.TS. Đỗ Anh Đức

Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 3: PGS.TS. Phan Minh Đức

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 08h30 ngày 15 tháng 7 năm 2025



**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế dịch vụ phát triển nhanh nhất, đồng thời là lĩnh vực cạnh tranh gay gắt giữa các điểm đến. Năng lực cạnh tranh (NLCT) của một điểm đến không chỉ dựa trên tài nguyên thiên nhiên và văn hóa mà còn phụ thuộc vào hạ tầng, dịch vụ, nguồn nhân lực, công nghệ, mức độ an toàn và trải nghiệm du khách. Ở Việt Nam, du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, với tăng trưởng ấn tượng trước đại dịch và phục hồi mạnh mẽ trong năm 2023.

Trong bức tranh đó, Ninh Bình nổi lên như một điểm đến hấp dẫn nhờ vị trí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đặc sắc, đặc biệt là Quần thể danh thắng Tràng An – Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Những năm gần đây, du lịch Ninh Bình tăng trưởng nhanh, hạ tầng và dịch vụ được đầu tư, nhiều lần được quốc tế bình chọn là điểm đến hàng đầu. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh cũng kéo theo thách thức: sản phẩm du lịch còn trùng lặp, thiếu khác biệt, hạ tầng chưa đồng bộ, nhân lực chất lượng cao còn thiếu, quảng bá chưa hiệu quả, trong khi sức ép bảo tồn di sản và môi trường ngày càng lớn.

Chính quyền cấp tỉnh đóng vai trò then chốt trong nâng cao NLCT điểm đến, với chức năng hoạch định chính sách, quy hoạch, quản lý và điều phối các bên liên quan. Dù vậy, về mặt nghiên cứu, hiện còn khoảng trống lý luận khi chưa có nhiều công trình chuyên sâu, hệ thống về NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh, đặc biệt là vai trò quản lý nhà nước. Phần lớn các nghiên cứu chỉ dừng ở việc đánh giá tiềm năng và thực trạng, thiếu vận dụng các mô hình lý thuyết hiện đại để đo lường và phân tích các yếu tố cấu thành NLCT.

Do đó, việc nghiên cứu NLCT điểm đến du lịch Ninh Bình vừa có ý nghĩa khoa học - làm rõ khái niệm, nội hàm, tiêu chí đánh giá và mối quan hệ giữa các yếu tố - vừa mang giá trị thực tiễn, giúp tỉnh xây dựng chiến lược phát triển, nâng cao vị thế cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn “Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình” làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

2. Mục đích, nhiệm vụ và câu hỏi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Hệ thống hóa có bổ sung cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh; trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch Ninh Bình, luận án chỉ ra được kết quả, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao NLCT điểm đến du lịch Ninh Bình, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Câu hỏi nghiên cứu

- Nội dung, yếu tố cấu thành, tiêu chí đánh giá NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh là gì?
- Các vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến cấp tỉnh là gì?
- Thực trạng NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình hiện nay như thế nào, có hạn chế nào? Nguyên nhân hạn chế là gì?

- Nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình theo phương hướng nào? Đây là giải pháp nhằm nâng cao NLCT điểm đến du lịch Ninh Bình thời gian tới?

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục đích trên, quá trình nghiên cứu đã hoàn thành những nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước, quốc tế có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, qua đó, chỉ rõ khoảng trống về lý luận và thực tiễn các công trình khoa học đã công bố, làm căn cứ đề xuất định hướng nghiên cứu của luận án.

Hai là, hệ thống hoá có bổ sung, làm rõ cơ sở lý luận về NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh. Trong đó, chú trọng phân tích và làm sáng tỏ: Khái niệm, đặc điểm, các nhân tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh; các vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến.

Ba là, phân tích kinh nghiệm từ chính quyền của một số tỉnh, thành phố trong nâng cao NLCT điểm đến; rút ra bài học kinh nghiệm cho Ninh Bình.

Bốn là, phân tích, đánh giá thực trạng NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình, chỉ rõ những kết quả đã đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

Năm là, trên cơ sở xác định bối cảnh mới, mục tiêu, định hướng phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình đến 2030, tầm nhìn đến 2035.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vấn đề lý luận và thực tiễn về NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình.

Về phạm vi chủ thể nghiên cứu: Chính quyền cấp tỉnh (HĐND, UBND tỉnh). Các cơ quan chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ gắn với ngành du lịch, trực tiếp là Sở Du lịch và một số sở, ngành có liên quan trong thực thi nhiệm vụ giúp HĐND, UBND tỉnh quản lý lĩnh vực này.

Về phạm vi nội dung, việc nghiên cứu chủ yếu tập trung làm rõ những nội dung NLCT của điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình, bao gồm: Các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch, vai trò của chính quyền địa phương trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch, các tiêu chí đánh giá NLCT của điểm đến du lịch địa phương cấp tỉnh. Chủ thể nghiên cứu của luận án được tiếp cận ở góc độ quản lý kinh tế.

Về không gian, việc nghiên cứu điểm đến du lịch ở cấp tỉnh, cụ thể là Luận án thu thập và phân tích dữ liệu, số liệu liên quan đến lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Về thời gian, luận án nghiên cứu tập trung trong giai đoạn 2015-2023 và đề xuất các giải pháp nâng cao NLCT điểm đến đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Việc lựa chọn năm 2015 là thời điểm bắt đầu cho giai đoạn nghiên cứu trong luận án gắn liền với hai dấu mốc quan trọng. Thứ nhất, năm 2015 là thời điểm Quần thể danh thắng Tràng An chính thức được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới đầu tiên của Việt Nam (năm 2014), và từ năm 2015 trở đi, Ninh Bình bắt đầu triển khai mạnh mẽ các hoạt động bảo tồn, quảng bá và khai thác giá trị di sản này trong chiến lược phát triển du lịch. Thứ

hai, năm 2015 cũng đánh dấu nhiệm kỳ mới của Đại hội Đảng bộ các cấp, trong đó định hướng phát triển du lịch Ninh Bình được xác định rõ hơn như một ngành kinh tế quan trọng, có trọng tâm đầu tư và chính sách hỗ trợ cụ thể. Giai đoạn này là mốc quan trọng trong việc hoạch định và thực thi các chính sách phát triển du lịch ở cấp tỉnh, đồng thời thể hiện sự cam kết và vai trò của chính quyền địa phương trong việc thúc đẩy năng lực cạnh tranh điểm đến.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Về tổng quan nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích nhằm chỉ ra các kết quả, các vấn đề đã được các nghiên cứu làm rõ, từ đó đặt ra những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển.

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn các nội dung liên quan đến NLCT điểm đến, luận án sử dụng kết hợp phương pháp mô tả, phân tích, tổng hợp để tìm ra những nội dung cốt lõi của NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh.

- Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với dữ liệu thứ cấp được thu thập cho luận án từ các nguồn uy tín. Trên cơ sở dữ liệu số liệu thống kê của các cơ quan, đơn vị, tác giả phân tích, đánh giá dữ liệu, thông tin, so sánh với các dữ liệu sơ cấp thu được từ kết quả nghiên cứu độc lập; sau khi thu thập, thông tin được tiến hành phân loại, lựa chọn, sắp xếp thành các bảng số liệu, các sơ đồ để phân tích. Ngoài ra, để củng cố những nhận định phân tích định tính, tác giả sử dụng phương pháp định lượng thông qua mô hình hồi quy tuyến tính nhằm đánh giá các nhân tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình.

- Trên cơ sở dữ liệu đã được thu thập kết hợp phương pháp tổng hợp, phân tích, luận án sẽ đề xuất các giải pháp nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

*** Những đóng góp mới khoa học**

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu, luận án kế thừa 05 yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh, đồng thời bổ sung, nhấn mạnh 04 vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh từ góc độ tiếp cận chuyên ngành quản lý kinh tế (*Một là, xây dựng chính sách, quy hoạch; Hai là, quản lý điểm đến; Ba là, phát triển điểm đến; Bốn là, thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá*).

Luận án cũng đã kế thừa và phát triển bộ tiêu chí đánh giá trên 03 khía cạnh: *Một là, Đánh giá kết quả hoạt động du lịch; Hai là, đánh giá các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh; Ba là, đánh giá vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch*.

Việc bổ sung, làm rõ 04 vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch và phát triển bộ tiêu chí đánh giá NLCT điểm đến là những điểm mới của luận án.

*** Những đóng góp mới về thực tiễn**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, luận án đã chỉ ra 05 kết quả đạt được của năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch Ninh Bình (*Kết quả hoạt động du lịch tích cực với sức hút của điểm đến ngày càng lớn; đã phát huy, khai thác được các lợi thế sẵn có của tỉnh về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa; chính quyền*

tỉnh Ninh Bình đã quan tâm xây dựng chiến lược và quy hoạch tỉnh; đã triển khai đồng bộ các chiến lược phát triển điểm đến; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá được quan tâm) và 04 hạn chế (chưa thu hút được các đối tác lớn, các tập đoàn quốc tế có tiềm lực mạnh về tài chính và kinh nghiệm phát triển du lịch; còn tồn tại hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là trong các dịch vụ cao cấp và khu vui chơi giải trí; thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng thích hợp cho ngành du lịch; Một số tổ chức và cá nhân vẫn chưa tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong hoạt động du lịch). Luận án cũng xác định rõ 2 nhóm nguyên nhân của những hạn chế nêu trên, từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn phát triển mới.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 5 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến điểm đến du lịch cấp tỉnh

** Công trình nghiên cứu về khái niệm điểm đến du lịch:* Có nhiều nghiên cứu với các cách tiếp cận khác nhau nhằm luận giải khái niệm điểm đến du lịch. Một trong những khái niệm phổ quát theo Luật Du lịch năm 2017, đưa ra khái niệm về "điểm du lịch" được hiểu là "nơi có tài nguyên du lịch được đầu tư, khai thác phục vụ khách du lịch".

** Công trình nghiên cứu liên quan đến cấu trúc, đặc điểm của điểm đến du lịch:* Tùy từng nghiên cứu khác nhau và cách tiếp cận khác nhau, cấu trúc, đặc điểm của điểm đến du lịch cũng được nhận diện khác nhau. Các nghiên cứu ngoài nước tập trung vào cấu trúc gồm: Điểm thu hút; Khả năng tiếp cận; Cơ sở vật chất; Dịch vụ hỗ trợ. Một số nghiên cứu về điểm đến du lịch Việt Nam tập trung nhấn mạnh yếu tố tài nguyên tự nhiên và văn hóa.

1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh

** Các công trình liên quan đến khái niệm, yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch:* Crouch và Ritchie (1999) trong nghiên cứu "Tourism, competitiveness, and societal prosperity" định nghĩa NLCT điểm đến là khả năng của một địa phương trong việc cung cấp các trải nghiệm du lịch độc đáo, đáp ứng kỳ vọng của du khách, đồng thời duy trì hoặc cải thiện phúc lợi kinh tế và xã hội của cộng đồng địa phương. Nghiên cứu "Destination Competitiveness: Determinants and Indicators" của Dwyer và Kim (2003) mở rộng khái niệm này, nhấn mạnh rằng NLCT không chỉ dựa trên tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, mà còn bao gồm năng lực hỗ trợ như cơ sở hạ tầng, chính sách quản lý, và marketing hiệu quả. Theo Phạm Trung Lương (2015), NLCT điểm đến còn được định nghĩa là khả năng sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và

nhân tạo để cung cấp các sản phẩm du lịch, đáp ứng nhu cầu du khách trong và ngoài nước, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế - xã hội. NLCT điểm đến tại Việt Nam phụ thuộc lớn vào sự phối hợp giữa các bên liên quan, đặc biệt là vai trò Nhà nước.

Các yếu tố cấu thành khả năng cạnh tranh của điểm đến: Tổng hợp các kết quả nghiên cứu, luận án sắp xếp các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch thành năm nhóm: Nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút; Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ; Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến; Quản lý điểm đến; Các yếu tố hạn định và mở rộng.

**** Các công trình liên quan đến mô hình, lý thuyết về NLCT điểm đến du lịch***

Theo phân tích của Michael Porter (1990), lợi thế cạnh tranh chỉ có thể đạt được thông qua chi phí thấp, khác biệt hóa và trọng tâm hóa. Áp dụng mô hình năm áp lực cạnh tranh của Michael Porter vào phân tích NLCT của một điểm đến du lịch, ta có thể xem xét các yếu tố chính sau: Đe dọa từ điểm đến du lịch thay thế; Sức ép từ sản phẩm thay thế; Quyền lực của du khách; Quyền lực của nhà cung cấp; Cạnh tranh nội bộ ngành. Theo lý thuyết nguồn lực, điểm đến du lịch cần xác định và phát triển các nguồn lực và năng lực độc đáo để duy trì tính cạnh tranh. Việc kết hợp hiệu quả giữa khai thác tài sản sẵn có, phát triển năng lực quản lý và đổi mới sẽ giúp điểm đến thu hút du khách và tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Áp dụng lý thuyết Lợi thế động (Dynamic Capabilities Theory), NLCT của điểm đến không chỉ phụ thuộc vào tài nguyên sẵn có mà còn vào khả năng phản ứng nhanh chóng trước các thay đổi trong nhu cầu và xu hướng của du khách.

Mô hình NLCT điểm đến du lịch của Ritchie và Crouch coi NLCT là sự tổng hợp giữa lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của điểm đến du lịch. Lợi thế so sánh được xác định bằng nguồn lực tài nguyên của điểm đến (các điểm thu hút tự nhiên hoặc văn hóa), các nguồn lực hỗ trợ (cơ sở hạ tầng...), trong khi lợi thế cạnh tranh tập trung vào hiệu lực và hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực đó. Mô hình do Kim (2003) chỉ ra quản lý điểm đến, bao gồm hiệu quả của các chính sách, chiến lược và cung cấp dịch vụ, là yếu tố cốt lõi quyết định năng lực cạnh tranh. Mô hình của Heath (2003) tập trung vào việc phát triển chiến lược cạnh tranh cụ thể, dài hạn, phù hợp với bối cảnh thực tế của từng điểm đến, sẽ giúp duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, sự hợp tác chặt chẽ được xem là yếu tố cốt lõi để đảm bảo sự hỗ trợ và đồng thuận trong quá trình thực hiện chiến lược. Từ các nội dung trên, có thể nhận thấy quan điểm về cạnh tranh rất đa dạng. Tuy vậy, có một sự đồng nhất ở đây là đều xác định cạnh tranh là một trong những động lực quan trọng giúp cho việc thúc đẩy, phát triển và đổi mới nền kinh tế, xã hội.

Mô hình NLCT điểm đến du lịch của Ritchie và Crouch là một lựa chọn phù hợp để phân tích và kiểm định, đánh giá các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh nhờ vào tính toàn diện và linh hoạt của nó.

**** Các công trình liên quan đến tiêu chí đánh giá NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh***

Bộ chỉ số Travel and Tourism Competitiveness Index (TTCI) của Diễn đàn

Kinh tế Thế giới (WEF) phân tích dựa trên các yếu tố chính năng lực cạnh tranh du lịch, bao gồm bốn nhóm yếu tố: Cải thiện môi trường kinh doanh, cải thiện chính sách và điều kiện kinh doanh du lịch, cơ sở hạ tầng và tài nguyên thiên nhiên, văn hóa. Bộ Chỉ số Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh (VTCDI) là một công cụ đánh giá được phát triển nhằm đo lường và so sánh năng lực cạnh tranh trong ngành du lịch của các tỉnh, thành phố tại Việt Nam. Các nhóm chỉ số để đánh giá bao gồm môi trường kinh doanh, y tế và vệ sinh, nguồn nhân lực và thị trường lao động, mức độ ưu tiên cho lữ hành và du lịch, môi trường bền vững, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, tài nguyên thiên nhiên và văn hóa.

*** Các công trình liên quan đến vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh**

Theo Dwyer (2000), chính quyền cấp tỉnh là cơ quan trung tâm chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, quy hoạch điểm đến. Theo Luật Du lịch, Nhà nước có chính sách huy động mọi nguồn lực cho phát triển du lịch để bảo đảm du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Việc quy hoạch giúp các địa phương không chỉ thu hút du khách mà còn đảm bảo rằng sự phát triển du lịch không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương.

Trong các công trình liên quan đến quản lý điểm đến, chính quyền địa phương cấp tỉnh chịu trách nhiệm công tác bảo tồn tài nguyên. Chính quyền địa phương cấp tỉnh cần xây dựng tổ chức bộ máy quản lý du lịch hiệu quả, chịu trách nhiệm tham mưu và triển khai các chính sách phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, chính quyền cấp tỉnh cần làm tốt quản lý hoạt động kinh doanh du lịch. Trong chiến lược phát triển điểm đến cần có sự đa dạng, đổi mới trong phát triển sản phẩm du lịch hay như trong nghiên cứu của Nguyễn Lê Phúc (2022) chỉ ra cần phải liên kết hợp tác để thúc đẩy du lịch phát triển.

*** Các nghiên cứu về du lịch Ninh Bình**

Trong nghiên cứu “Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình” của tác giả Nguyễn Mạnh Cường (2016) đi sâu vào phân tích vai trò của chính quyền tỉnh Ninh Bình trong việc chính sách và quản lý nhằm thúc đẩy du lịch bền vững. Nghiên cứu của Nguyễn Anh Dũng (2019) đã đánh giá về phát triển bền vững du lịch tỉnh Ninh Bình, xây dựng bộ tiêu chí bao gồm các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Luận án của Nguyễn Thị Minh Tân (2021) nghiên cứu việc kết hợp giữa phát triển kinh tế du lịch và đảm bảo an ninh môi trường tại Ninh Bình. Các nghiên cứu trên đã đóng góp vào việc hiểu rõ mối liên hệ giữa phát triển bền vững và du lịch tại Ninh Bình, nhưng cả ba đều chưa đi sâu vào phân tích NLCT của điểm đến tỉnh Ninh Bình. Việc nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở để Ninh Bình phát triển mạnh mẽ hơn, nâng cao vị thế cạnh tranh trên bản đồ du lịch trong và ngoài nước.

1.2. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá chung các công trình nghiên cứu liên quan

Nghiên cứu sinh đã tiến hành tổng quan tình hình nghiên cứu theo các chủ đề liên quan đến đề tài luận án. Từ đó, rút ra một số kết quả đạt được từ tình hình nghiên cứu:

Một là, Các công trình nghiên cứu đã làm rõ được nội hàm của điểm đến du

lịch cấp tỉnh như khái niệm, yếu tố cấu thành của điểm đến du lịch.

Hai là, các công trình nghiên cứu liên quan đến NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh đã hình thành nền tảng lý thuyết về khái niệm, yếu tố cấu thành, mô hình NLCT điểm đến cũng như các tiêu chí đánh giá NLCT và một số vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch.

Ba là, các công trình nghiên cứu về du lịch Ninh Bình tập trung vào nội dung phát triển du lịch bền vững, đảm bảo an ninh môi trường của tỉnh.

Bốn là, các giải pháp nâng cao NLCT điểm đến du lịch được các công trình đề cập khá đa dạng như: liên kết, hợp tác phát triển điểm đến; xây dựng hình ảnh, thương hiệu điểm đến...

1.2.2. Khoảng trống nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án

Từ phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, có thể rút ra một số khoảng trống nghiên cứu như sau:

Một là, thiếu vắng các nghiên cứu chỉ rõ đặc điểm, nội dung, các tiêu chí đánh giá NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh tiếp cận dưới góc độ quản lý kinh tế. Các nghiên cứu trước đó thường đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng hay chỉ đánh giá một vài nhân tố, mà chưa có những nghiên cứu chuyên sâu có sử dụng phương pháp mô hình hóa, nghiên cứu định lượng để đánh giá cụ thể mức độ cạnh tranh của các yếu tố cấu thành NLCT của điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình.

Hai là, chưa có công trình nghiên cứu riêng biệt, cụ thể về các vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong nâng cao NLCT của điểm đến, nhất là các vai trò trong xây dựng chính sách, quy hoạch, quản lý và phát triển điểm đến chưa được đề cập, phân tích kỹ lưỡng trong các nghiên cứu trước đây.

Ba là, chưa có công trình nào nghiên cứu tổng thể, hệ thống và toàn diện về thực trạng NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2015-2023 cũng như những năm tiếp theo, chưa có nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh mới của địa phương cũng như bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Khoảng trống về đề tài nghiên cứu rất lớn bao gồm nhiều nội dung. Từ những khoảng trống nghiên cứu, luận án sẽ tập trung vào các vấn đề nghiên cứu sau:

Thứ nhất, góc độ tiếp cận trong luận án là quản lý kinh tế.

Thứ hai, trên cơ sở xây dựng khung lý thuyết về NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh, trong luận án nghiên cứu sinh lựa chọn phân tích, đánh giá thực trạng NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình với chủ thể là chính quyền địa phương cấp tỉnh, trong đó tập trung vào các vai trò của chính quyền cấp tỉnh đối với nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình tiếp cận theo các chức năng quản lý gồm: Xây dựng chính sách, quy hoạch; Quản lý điểm đến; Phát triển điểm đến; Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá.

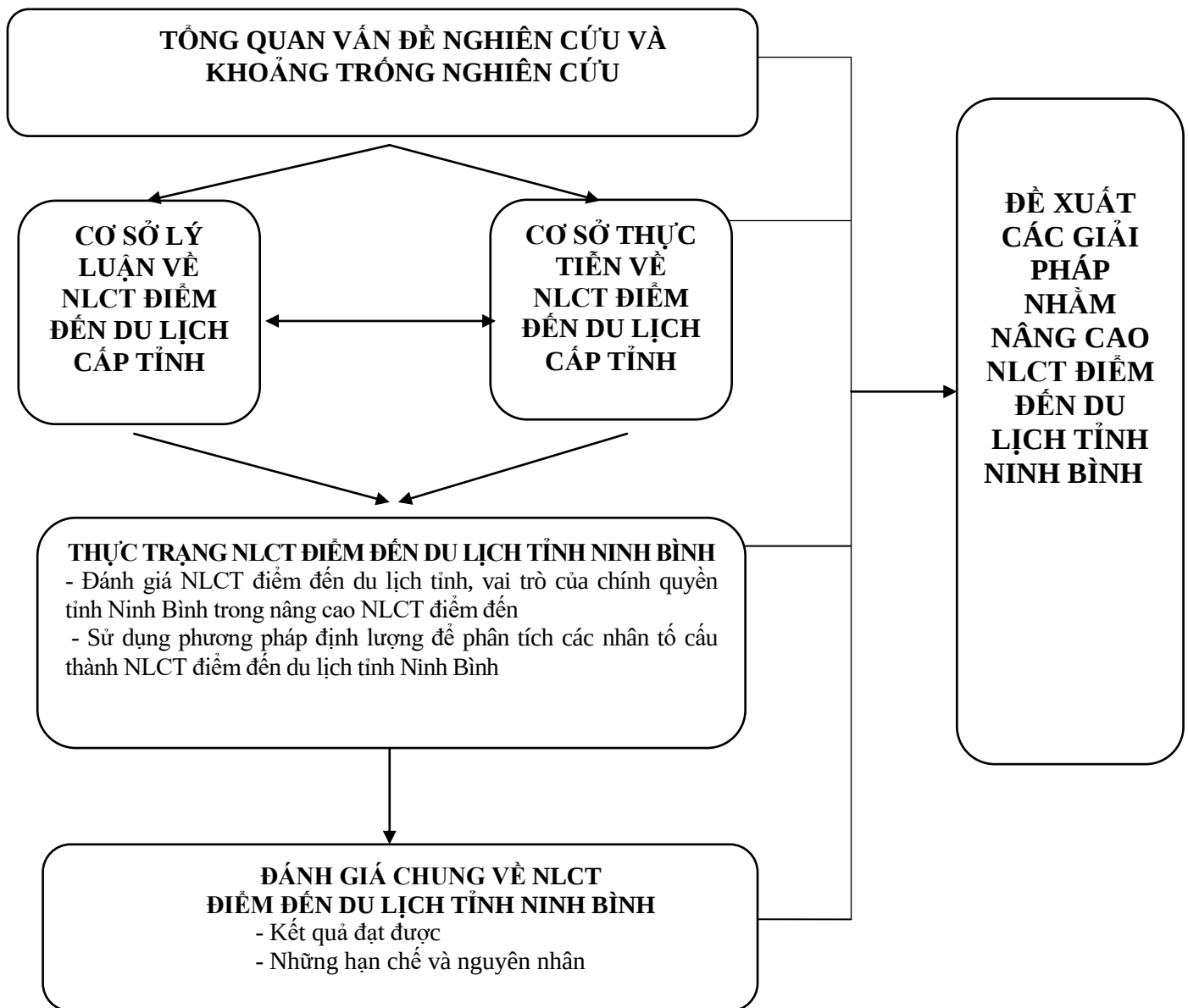
Thứ ba, Dựa trên mô hình nghiên cứu của Ritchie và Crouch (2003) và những yếu tố được đề xuất từ khung lý thuyết, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, phương pháp phỏng vấn sâu để nghiên cứu, đánh giá mức độ cạnh tranh của các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình.

Tuy nhiên, nhiều tiêu chí trong mô hình của Ritchie và Crouch (2003) phù hợp để áp dụng cho quy mô lớn (một vùng, một quốc gia) chứ chưa thực sự phù

hợp với đặc thù của một địa phương như Ninh Bình. Bên cạnh đó, để đơn giản hóa và tránh trùng lặp, nhiều tiêu chí thành phần sẽ được lược bớt hoặc gộp lại. Nghiên cứu đề xuất gồm 05 yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh là: Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút; Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ; Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến; Quản lý điểm đến; Các yếu tố hạn định và mở rộng.

Thứ tư, luận án đề xuất các giải pháp cụ thể theo hướng hoàn thiện QLNN trong thực hiện các chức năng: xây dựng chính sách, quy hoạch, quản lý điểm đến, phát triển điểm đến, kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình.

Trên cơ sở các vấn đề nghiên cứu, khung phân tích của Luận án được đề xuất như sau:



Khung phân tích của Luận án

Nguồn: Tác giả xây dựng

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH CẤP TỈNH

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH CẤP TỈNH

2.1.1. Khái niệm điểm đến du lịch cấp tỉnh

Trên cơ sở tổng hợp các khái niệm liên quan, luận án sử dụng khái niệm: *Điểm đến du lịch cấp tỉnh là một địa phương, một tỉnh/ thành phố có các tài nguyên du lịch hấp dẫn, đa dạng các sản phẩm du lịch và có khả năng thu hút và đáp ứng nhu cầu của khách du lịch lưu lại ít nhất một đêm.*

2.1.2. Đặc điểm điểm đến du lịch cấp tỉnh

Điểm đến du lịch cấp tỉnh được định hình bởi hai nhóm đặc điểm chính: tự nhiên và kinh tế - xã hội. Đặc điểm tự nhiên đóng vai trò trong việc định hình và phát triển các điểm đến du lịch, bao gồm ba yếu tố chính: tài nguyên thiên nhiên, di sản tự nhiên và vị trí địa lý. Đặc điểm kinh tế xã hội của một điểm đến du lịch phản ánh sự phát triển và tiềm năng thu hút du khách dựa trên các yếu tố như dân số, lao động, việc làm, quy mô GRDP và tổng thu ngân sách nhà nước.

2.1.3. Các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch cấp tỉnh

Một điểm đến du lịch được cấu thành bởi nhiều yếu tố khác nhau, mỗi yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sức hút và giá trị đặc trưng. Các yếu tố này bao gồm: Tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các tiện nghi và hoạt động hỗ trợ.

2.2. NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH CẤP TỈNH

2.2.1. Khái niệm về Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh

** Khái niệm Năng lực cạnh tranh*

Dựa trên các Định nghĩa NLCT theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), theo Tổ chức Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), theo Michael Porter (1990), Trong phạm vi nghiên cứu này, NLCT được hiểu là khả năng của một địa phương (cấp tỉnh) trong việc tạo ra giá trị gia tăng, thu hút các nguồn lực và duy trì lợi thế.

** Khái niệm Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh*

Theo Buhalis (2000), trong giai đoạn đầu của du lịch, cạnh tranh thường được đo lường chủ yếu dựa trên giá cả. Crouch & Ritchie (2003) cho rằng NLCT điểm đến du lịch không chỉ liên quan đến việc thu hút du khách mà còn bao gồm việc gia tăng chi tiêu du lịch, mang lại lợi ích kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. NLCT không chỉ phụ thuộc vào tài nguyên hay các yếu tố quản lý mà còn chịu tác động từ những điều kiện kinh tế vĩ mô, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. NLCT điểm đến du lịch được hiểu là việc sử dụng các phương pháp kỹ thuật để đánh giá và so sánh điểm đến một cách có hệ thống nhằm xác định lợi thế cạnh tranh. Cách tiếp cận này có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng các chính sách phát triển dựa trên những phân tích khoa học, từ đó giúp các cơ quan quản lý xác định được điểm mạnh, điểm yếu và các cơ hội để nâng cao NLCT. NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh

được hiểu là *khả năng của điểm đến trong việc tạo ra lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh để thu hút và thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch, thông qua việc phát triển, đổi mới và quản lý hiệu quả các tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng và dịch vụ, đồng thời bảo đảm các nguyên tắc phát triển bền vững, mang lại lợi ích kinh tế – xã hội, văn hóa và môi trường cho cộng đồng địa phương.*

2.2.2. Các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh

Trên cơ sở tổng quan các vấn đề nghiên cứu, tác giả sử dụng mô hình của Ritchie & Crouch (2003) để kiểm định, đánh giá các nhân tố cấu thành NLCT điểm đến. Năm nhân tố lớn cấu thành, bao gồm: Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút; Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ; Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến; Quản lý điểm đến; Các yếu tố hạn định và mở rộng.

2.2.2.1. Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút

Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút là những yếu tố quan trọng giúp tạo nên sức hấp dẫn của một điểm đến du lịch. Đây là những yếu tố giúp du khách nhận diện và quyết định lựa chọn địa điểm du lịch phù hợp với nhu cầu và mong muốn của họ, cụ thể: Thiên nhiên và khí hậu; Văn hóa và lịch sử; Các hoạt động giải trí; Sự kiện, lễ hội; Các điểm thu hút; Mua sắm.

2.2.2.2. Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ

Nếu như “các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút” thúc đẩy khách du lịch, tuy nhiên, nếu như các nguồn lực này không thể tiếp cận được, nếu cơ sở hạ tầng còn thiếu và nguồn lực hỗ trợ còn hạn chế thì “các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút” sẽ giảm sút đáng kể sự tác động. Vì vậy các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ sẽ là các nhân tố giúp cho du khách tiếp cận các điểm đến tốt hơn, cụ thể: Cơ sở hạ tầng; Các nguồn lực bổ sung; Sự hiếu khách; Doanh nghiệp.

2.2.2.3. Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến

Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến bao gồm các nhân tố có hàm ý liên quan đến vai trò của các cơ quan quản lý có trách nhiệm định hướng, đề ra các phương án, giải pháp để phát huy NLCT của địa phương cũng như của ngành du lịch. Các nhân tố này bao gồm: Ưu tiên cho lĩnh vực du lịch; Tầm nhìn và quy hoạch; Chiến lược quảng bá điểm đến; Các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển điểm đến; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá.

2.2.2.4. Quản lý điểm đến

Trên cơ sở quy hoạch, chủ trương, chính sách đã được các cấp chính quyền đề ra; việc tổ chức quản lý thực hiện từ các cơ quan QLNN là cần thiết để đảm bảo thực hiện đúng lộ trình, định hướng đã đề ra. Công tác quản lý điểm đến bao gồm các nhân tố: Các tổ chức liên quan đến du lịch; Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch; Quản lý thông tin, tuyên truyền và nghiên cứu; Quản lý tài chính và vốn; Quản lý, phát triển nguồn nhân lực; Quản lý tài nguyên thiên nhiên và văn hóa; Quản lý khủng hoảng, ứng phó với các tình huống.

2.2.2.5. Các yếu tố hạn định và mở rộng

Các yếu tố hạn định và mở rộng là các yếu tố sẽ giúp cho các nhân tố cạnh tranh khác thay đổi, giảm thiểu hoặc tăng cường khả năng tác động của chúng. Đó

là các yếu tố: Vị trí, An ninh và an toàn; Chi phí và giá trị; Khả năng sức chứa của điểm đến; Sự liên kết; Nhận thức của thị trường mục tiêu về điểm đến.

2.2.3. Vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh

Từ phía chính quyền cấp tỉnh, mục tiêu của nâng cao NLCT điểm đến du lịch bao gồm các mục tiêu: Kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường. Vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh được đánh giá dựa trên các nội dung sau:

2.2.3.1. Xây dựng chính sách, quy hoạch

Xây dựng chính sách, quy hoạch là các hoạt động, phương thức quản lý chính mà để nhận biết từ chính quyền cấp tỉnh, bao gồm: Ưu tiên cho lĩnh vực du lịch, cụ thể hóa bằng các nghị quyết, kế hoạch; Xây dựng quy hoạch du lịch; Ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch.

2.2.3.2. Quản lý điểm đến

Quản lý điểm đến quá trình tổng thể bao gồm: Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa; quản lý nguồn lực cơ sở hạ tầng; cải thiện môi trường kinh doanh; đảm bảo an ninh, an toàn.

2.2.3.3. Phát triển điểm đến

Các chiến lược phát triển điểm đến du lịch là điều cần thiết để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và nâng cao NLCT của một điểm đến. Các chiến lược bao gồm: Chiến lược sản phẩm du lịch; chiến lược xây dựng hình ảnh điểm đến, xúc tiến quảng bá du lịch; chiến lược nguồn nhân lực; chiến lược chuyển đổi số; chiến lược liên kết, hợp tác về du lịch.

2.2.3.4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá

Thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá là những nhiệm vụ mà chính quyền cấp tỉnh thực hiện để đảm bảo sự phát triển của điểm đến, bảo vệ quyền lợi của du khách và duy trì môi trường kinh doanh minh bạch. Để triển khai hiệu quả, công tác này được thực hiện theo hai nội dung chính: (1) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển điểm đến và (2) Biện pháp xử lý, ngăn chặn các hành vi vi phạm.

2.2.4. Tiêu chí đánh giá Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh

2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động du lịch

Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động du lịch dựa trên lý thuyết về chu kỳ sống của điểm đến du lịch. Chu kỳ sống của điểm đến, như được Butler (1980) mô tả trong mô hình của ông đóng vai trò là công cụ quan trọng để các cơ quan chức năng và nhà hoạch định chính sách đánh giá khả năng cạnh tranh của điểm đến và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Theo đó, tác giả sử dụng lý thuyết của Butler trong việc xác định giai đoạn trong chu kỳ sống của điểm đến du lịch cấp tỉnh bằng việc phân tích các tiêu chí nhận biết sự dịch chuyển trong các giai đoạn của chu kỳ, bao gồm: Lượng doanh thu du lịch tạo ra, số lượng khách du lịch đến thăm, thời gian lưu trú trung bình của họ và sự hiện diện của các doanh nghiệp liên quan đến du lịch.

Mô hình chu kỳ sống của điểm đến của Butler đề cập tới sáu giai đoạn: Khám phá (Exploration), Tham gia (Involvement), Phát triển (Development), Consolidation), Trì trệ (Stagnation), Suy thoái (Decline) hoặc Phục hồi (Rejuvenation).

2.2.4.2. Tiêu chí đánh giá các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh

Phương pháp đánh giá định lượng được sử dụng dựa trên khảo sát mức độ cạnh tranh của các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch. Cách tiếp cận này yêu cầu thu thập dữ liệu từ nhiều nhóm đối tượng nhà quản lý là lãnh đạo các sở, ban, ngành và cán bộ, công chức, viên chức. Khảo sát được thực hiện thông qua bảng hỏi và thu thập dữ liệu từ các nền tảng trực tuyến.

*** Mô hình và giả thuyết nghiên cứu đối với các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh**

Đối với tiêu chí này, phương pháp đánh giá định lượng được sử dụng dựa trên khảo sát mức độ cạnh tranh của các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch. Mô hình nghiên cứu sử dụng trong Luận án dựa trên mô hình của Ritchie và Crouch (2003) bao gồm năm biến độc lập và một biến phụ thuộc. Trong đó, biến phụ thuộc hay nhân tố mục tiêu là NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh. Trên cơ sở lý thuyết về NLCT du lịch, năm nhóm nhân tố lớn được lựa chọn làm biến độc lập trong mô hình nghiên cứu, bao gồm: Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút; Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ; Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến; Quản lý điểm đến; Các yếu tố hạn định và mở rộng.

Từ mô hình nghiên cứu, ta có các giả thuyết nghiên cứu như sau:

H1: Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút có tác động cùng chiều đến NLCT của điểm đến du lịch

H2: Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ có tác động cùng chiều đến NLCT của điểm đến du lịch.

H3: Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến có tác động cùng chiều đến NLCT của điểm đến du lịch

H4: Quản lý điểm đến có tác động cùng chiều đến NLCT của điểm đến du lịch

H5: Các yếu tố hạn định và mở rộng có tác động cùng chiều đến NLCT của điểm đến du lịch.

2.2.4.3. Tiêu chí đánh giá về vai trò cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh

Để đánh giá vai trò cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh dựa trên mức độ hiệu quả của các chính sách và cần đảm bảo ba tiêu chí quan trọng: tính rõ ràng và cập nhật theo giai đoạn, mức độ gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội và thương hiệu của điểm đến.

2.3. KINH NGHIỆM VÀ BÀI HỌC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH CẤP TỈNH CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

Luận án đã phân tích kinh nghiệm của thành phố Kyoto, Nhật Bản; kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh; kinh nghiệm của tỉnh Thừa Thiên Huế, qua đó, rút ra học kinh nghiệm cho điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình:

Thứ nhất, cần xây dựng các chính sách, quy hoạch cụ thể để phát triển

điểm đến, điều chỉnh các mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội phù hợp.

Thứ hai, các giải pháp bảo tồn cần được triển khai đồng bộ để bảo tồn thiên nhiên và văn hóa địa phương, đảm bảo rằng du lịch sẽ nâng cao chứ không làm xói mòn văn hóa của một điểm đến. Hơn nữa, cần đầu tư cơ sở hạ tầng, quản lý chặt chẽ để duy trì chất lượng, an ninh và an toàn của điểm đến.

Thứ ba, cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, lựa chọn hình thức xúc tiến quảng bá du lịch phù hợp đối với địa phương, tránh dàn trải, tập trung vào từng đối tượng khách hàng đang hướng đến. Tích ứng với tiến bộ công nghệ, chuyển đổi số để duy trì tính cạnh tranh. Đầu tư, phát triển nguồn nhân lực

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá phải được tổ chức thường xuyên đối với tất cả các hoạt động du lịch, các chính sách hỗ trợ du lịch đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, đúng quy định.

Chương 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

3.1.1. Phương pháp chuyên gia

Tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch (05 chuyên gia) để góp ý cho việc hoàn chỉnh xây dựng câu hỏi trước khi tiến hành khảo sát. Hình thức lấy ý kiến thông qua các phiếu có sẵn. Sau khi xem xét bản dự thảo câu hỏi, các chuyên gia sẽ cho ý kiến nhận xét, góp ý, đề nghị điều chỉnh các câu hỏi.

3.1.2. Phương pháp thiết kế thang đo lường để đánh giá

Thiết kế thang đo là cần thiết để đo lường một cách chính xác các biến đã được lựa chọn với quy mô phù hợp. Các câu hỏi cụ thể trong nội dung các yếu tố của bảng câu hỏi được áp dụng bằng thang đo Likert 5 điểm cho mỗi câu hỏi. Thang đo này đo lường mức độ đồng ý của người được khảo sát về mức độ cạnh tranh của các yếu tố với năm mức độ từ 1 - 5 (1 là Rất thấp và 5 là Rất cao).

3.1.3. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu

Các số liệu thu thập thứ cấp và sơ cấp được tổng hợp và xử lý trên phần mềm Excel. Đối với số liệu về các nhân tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh thực hiện phân tích bằng phần mềm SPSS.

Các phương pháp này sử dụng để diễn giải những số liệu thống kê về thực trạng vấn đề nghiên cứu, so sánh giữa thực tế và cơ sở luận để đánh giá NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình đang ở mức độ nào. Đồng thời, sử dụng để khảo cứu kinh nghiệm mô hình nâng cao NLCT điểm đến du lịch ở một số địa phương trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó tổng hợp, phân tích, rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Ninh Bình.

3.1.4. Thu thập dữ liệu

3.1.4.1. Thu thập dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập cho luận án bao gồm: Một số lý thuyết liên quan đến năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch: khái niệm cơ bản về du lịch, điểm đến du lịch, năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch, xác định nhân tố cấu thành; số lượng thống kê về khách du lịch, nguồn thu, đầu tư cho du lịch.... qua

các năm; những thông tin về bối cảnh, xu hướng tiêu dùng, du lịch toàn cầu có ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch Ninh Bình. Những dữ liệu này được tiến hành thu thập từ các nguồn uy tín.

3.1.4.2. Thu thập dữ liệu sơ cấp

Bước 1: Cách thức chọn mẫu

Để thu thập số liệu sơ cấp và phục vụ cách tiếp cận phân tích, đánh giá đa chiều, luận án thực hiện điều tra xã hội học với bảng hỏi có sẵn để khảo sát, đánh giá các nhân tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh.

Mẫu điều tra được lựa chọn ngẫu nhiên, cỡ mẫu điều tra có số lượng tối thiểu được xác định dựa trên nghiên cứu của Comrey và Lee (1992), kích cỡ mẫu tối thiểu cho phân tích nhân tố khám phá là gấp 5 lần tổng số biến quan sát $n = 5 \times m$ (Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu; m là số câu hỏi trong bảng hỏi)

Mẫu nghiên cứu được sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất với cách thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Bảng câu hỏi của nghiên cứu này bao gồm 35 câu hỏi, vì vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt là: $35 \times 5 = 175$ đơn vị.

Song để đạt được cỡ mẫu này sau khi loại bỏ các mẫu thiếu nhiều thông tin hoặc chất lượng thấp, nghiên cứu sinh lấy mẫu nghiên cứu là 300 đơn vị. Kích cỡ mẫu là 300 đảm bảo tính đại diện rất tốt và đem đến kết quả ước lượng có độ chính xác cao. Cỡ mẫu này cũng đảm bảo nguyên tắc lấy mẫu điều tra của phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy đa biến.

Bước 2: Xây dựng bảng hỏi, phiếu điều tra

Trên cơ sở lý luận về NLCT điểm đến du lịch và các nhân tố cấu thành đến NLCT điểm đến du lịch, nghiên cứu sinh đã xây dựng bản nháp bảng câu hỏi. Sau đó, tác giả phỏng vấn các chuyên gia với các nội dung của bảng hỏi: Những câu khảo sát nào còn chưa rõ nghĩa và gây khó hiểu cho người được khảo sát? Có thay đổi, điều chỉnh các câu khảo sát như thế nào để cho đối tượng khảo sát dễ hiểu hơn không? Có bổ sung thêm những phát biểu nào khác về các nhân tố không? Và ý kiến bổ sung đầy được diễn đạt và giải thích như thế nào?

Trong đó có chuyên gia bổ sung thêm nhân tố liên quan đến “Sự phát triển của CNTT” là nhân tố cấu thành trong nhân tố lớn “Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ” và nhân tố “Sự gắn kết giữa ngành du lịch với các ngành khác tại điểm đến Ninh Bình” là nhân tố cấu thành trong nhân tố lớn “Chính sách, quy hoạch và phát triển điểm đến” để khảo sát NLCT điểm đến du lịch.

Bước 3: Tiến hành điều tra

Để giải quyết mục tiêu luận án nghiên cứu đã đề ra, nghiên cứu sinh xác định đối tượng điều tra là các nhà quản lý, cán bộ, CC, VC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Số lượng phiếu phân bổ thực tế như sau: 150 phiếu dành cho các sở, ban, ngành (Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,...) và 150 phiếu dành cho 08 UBND các huyện, thành phố.

Về phương pháp khảo sát, do chia đối tượng khảo sát theo các cơ quan, đơn vị cụ thể, tác giả tiến hành phát bảng hỏi cho những người tham gia khảo sát tại các cơ quan. Khi phát bảng hỏi, tác giả đều có hướng dẫn chi tiết để người tham

gia khảo sát hiểu và trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu khảo sát, tránh sự bỏ sót hoặc hiểu lầm câu hỏi.

Về thời gian khảo sát, trong 3 tháng từ tháng 8/2023 đến tháng 10/2023. Tổng số phiếu thu về là 300 phiếu, tuy nhiên có 24 phiếu khảo sát không đủ thông tin hoặc điền thông tin không khách quan đã bị loại. Cuối cùng, còn 276 phiếu khảo sát đạt yêu cầu và được sử dụng trong phân tích dữ liệu.

Khi tiến hành nghiên cứu định lượng, sau khi thu thập được đủ số lượng phiếu theo yêu cầu và kết thúc thời hạn dành cho khảo sát, tác giả tiến hành ghi số phiếu theo thứ tự từ 01 đến số phiếu cuối cùng, loại đi những phiếu vì thiếu nhiều thông tin quan trọng, sau đó nhập dữ liệu bằng excel.

3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG

Phương pháp nghiên cứu định lượng được dùng để kiểm định, đánh giá các nhân tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình. Đề tài thực hiện đánh giá thông qua đánh giá độ tin cậy thang đo biến độc lập và phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng công cụ SPSS.

Chương 4

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

4.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

4.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh

4.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lý; Về địa hình; Về khí hậu; Về thủy văn; Về sinh vật; Về đất đai; Về tài nguyên khoáng sản.

4.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh

Đặc điểm về dân số trung bình, tỷ lệ lao động, tỷ lệ thất nghiệp, quy mô GRDP, tổng thu ngân sách Nhà nước, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, kim ngạch xuất nhập khẩu.

4.1.2. Các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình

4.1.2.1. Tài nguyên du lịch

Tỉnh Ninh Bình có nhiều tài nguyên du lịch nổi bật như: Di sản Thế giới Tràng An, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, Vườn quốc gia Cúc Phương, Khu rừng văn hóa lịch sử môi trường Hoa Lư. Tỉnh Ninh Bình cũng có hệ sinh thái đa dạng đáng, phản ánh điều kiện địa lý và khí hậu của tỉnh.

4.1.2.2. Cơ sở hạ tầng

Về nguồn lực cơ sở hạ tầng giao thông, tỉnh Ninh Bình có khoảng 3.770 km đường bộ, bao gồm đường quốc lộ, đường tỉnh lộ, đường huyện, đường đô thị, đường chuyên dùng và các tuyến giao thông nông thôn. Cơ sở hạ tầng giao thông ở tỉnh đã có những thay đổi từ năm 2015, cho thấy sự đa dạng của các phương tiện giao thông, bao gồm xe con, taxi, xe buýt, xe tải, xe chuyên dụng và các loại xe khác, và xe máy. Tuy nhiên, việc giảm số lượng taxi và tình trạng trì trệ về số lượng xe buýt gây ra nhiều lo ngại, có thể ảnh hưởng đến sự thuận tiện và khả năng tiếp cận của khách du lịch.

4.1.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Đến năm 2022, tỉnh có 800 cơ sở lưu trú, chiếm 14% tổng công suất lưu trú

của cả nước, trở thành một trong 20 tỉnh hàng đầu Việt Nam về công suất lưu trú. Một khía cạnh đáng chú ý của lĩnh vực lưu trú tại Ninh Bình là sự tăng trưởng đáng kể về số lượng homestay, tăng lên 332 với 2.537 phòng vào năm 2022. Sự gia tăng này phản ánh sự phong phú, đa dạng lựa chọn đối với khách du lịch.

4.1.2.4. Các tiện nghi và hoạt động hỗ trợ

Ninh Bình có hơn 300 nhà hàng và quán cà phê trong tỉnh, cung cấp nhiều lựa chọn ăn uống. Những món ăn này đa dạng từ ẩm thực truyền thống Việt Nam đến các món ăn quốc tế, phục vụ khẩu vị đa dạng của khách du lịch trong nước và quốc tế. Trên địa bàn tỉnh, cũng có nhiều cửa hàng lưu niệm, chợ địa phương và làng thủ công, nơi du khách có thể mua các mặt hàng truyền thống của Việt Nam như lụa, đồ sơn mài và hàng thủ tay.

4.2. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

4.2.1. Kết quả hoạt động du lịch

Số lượng khách du lịch quốc tế cũng có xu hướng đi lên, mặc dù có một số biến động, doanh thu từ du lịch tăng trưởng ổn định và mạnh mẽ. Những số liệu thống kê nêu bật sức hấp dẫn ngày càng tăng của Ninh Bình, được hỗ trợ bởi sự quản lý và các chiến lược phát triển điểm đến nhằm mục tiêu trong việc phục vụ đa dạng khách du lịch, đặc biệt là du khách quốc tế. Tác động của các sự kiện toàn cầu, đặc biệt là đại dịch Covid-19, thể hiện rõ ràng qua dữ liệu du lịch. Sự phục hồi dần dần về số lượng du lịch sau đại dịch, báo hiệu sự khởi đầu phục hồi của ngành. Những con số này tuy vẫn còn cách xa mức trước đại dịch nhưng phản ánh sự lạc quan thận trọng của du khách quốc tế và những nỗ lực không ngừng của ngành du lịch Ninh Bình nhằm tái thiết và thu hút du khách toàn cầu. Tổng hợp các đánh giá nêu trên, điểm đến Ninh Bình đang ở giai đoạn phát triển trong chu kỳ của một điểm đến.

4.2.2. Các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình

4.2.2.1. Mẫu khảo sát

4.2.2.2. Đánh giá độ tin cậy thang đo

4.2.2.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

4.2.2.4. Tương quan Pearson

4.2.2.5. Kết quả hồi quy tuyến tính

4.2.2.6. Thảo luận kết quả phân tích định lượng

Kết quả phân tích định lượng đã minh chứng rõ ràng rằng mỗi biến độc lập trong mô hình bao gồm Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút (NLCL), Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ (NTNL), Chính sách quy hoạch và phát triển điểm đến (CS), Quản lý điểm đến (QLDD) và Các yếu tố hạn định và mở rộng (HDMD) đều có tác động đáng kể đến Năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch (NLCT). Điều này tạo nền tảng quan trọng để hiểu rõ hơn về cách thức nâng cao NLCT điểm đến.

Trong quá trình xác định mức độ tác động của từng biến, phân tích của tác giả cho thấy biến Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút có tác động mạnh nhất đến NLCT của điểm đến du lịch, được xác định qua giá trị hệ số Beta chuẩn hóa cao nhất. Theo sau đó, Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ và Chính sách quy

hoạch và phát triển điểm đến cũng được xác định là hai yếu tố có tác động đáng kể, góp phần quan trọng vào việc tăng cường NLCT của điểm đến du lịch. Tuy nhiên, các biến Quản lý điểm đến và Các yếu tố hạn định và mở rộng mặc dù vẫn ảnh hưởng đến NLCT của điểm đến du lịch nhưng được xác định có mức độ cạnh tranh thấp hơn so với các biến còn lại.

Về chiều tác động, tất cả các biến đã được xác định đều mang giá trị dương, cho thấy sự tương quan thuận chiều của các biến độc lập tới NLCT của điểm đến du lịch, cho thấy rằng việc cải thiện các yếu tố như Các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút, Các nhân tố và nguồn lực hỗ trợ, Chính sách quy hoạch và phát triển điểm đến... có thể giúp nâng cao NLCT của điểm đến du lịch.

Nội dung đánh giá các yếu tố cấu thành NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình còn dựa trên kết quả khảo sát, sử dụng kết quả thống kê mô tả tại Phụ lục để giúp nâng cao NLCT của điểm đến du lịch.

Các yếu tố được đánh giá cao nhất là "Các sự kiện, lễ hội của điểm đến Ninh Bình" và "Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của điểm đến Ninh Bình". Yếu tố "Sự hiếu khách và thân thiện của người dân địa phương với khách du lịch" với điểm trung bình lên đến 4.02. Điều này cho thấy tinh thần hiếu khách và thân thiện của cộng đồng địa phương tại Ninh Bình. Yếu tố "Cơ sở hạ tầng của điểm đến Ninh Bình" (ví dụ: đường xá, dịch vụ công cộng....)" đã nhận được mức đánh giá cao với điểm trung bình là 3.97, tiêu biểu cho sự đầu tư mạnh mẽ của Ninh Bình vào cơ sở hạ tầng du lịch và các dịch vụ công cộng trong giai đoạn gần đây.

Yếu tố "Mua sắm tại điểm đến Ninh Bình" có điểm trung bình thấp, cần được cải thiện hoặc phát triển để tăng cường sức hấp dẫn của Ninh Bình đối với du khách. Một số ý như "tầm nhìn, quy hoạch rõ ràng về phát triển du lịch trong tương lai của điểm đến Ninh Bình" và "Các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển du lịch của điểm đến Ninh Bình" có điểm trung bình thấp hơn lần lượt là 3.76 và 3.83. Kết quả này cho thấy cần có sự cải thiện và tập trung hơn vào việc xác định tầm nhìn, quy hoạch rõ ràng và thiết thực, cùng với việc thúc đẩy chính sách để đảm bảo sự phát triển của điểm đến Ninh Bình. Ý "Quản lý khủng hoảng, ứng phó hiệu quả với các trường hợp" nhận được điểm trung bình thấp trong bảng với 3.79 vì vậy cần có sự cải thiện trong việc xác định và thực hiện kế hoạch quản lý khủng hoảng một cách hiệu quả, đặc biệt là trong ngành du lịch, để đảm bảo sự an toàn và ổn định cho du khách và người dân địa phương.

4.2.3. Vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình

4.2.3.1. Xây dựng chính sách, quy hoạch

Thứ nhất, ưu tiên cho lĩnh vực du lịch, cụ thể hóa bằng các nghị quyết, Kế hoạch: Trong giai đoạn 2015 - 2018, ngay sau khi Tràng An được công nhận là Di sản thế giới năm 2014, tỉnh đã xác định du lịch sẽ là một trong những ngành dịch vụ quan trọng. Đến giai đoạn tiếp theo, Đảng bộ tỉnh đã xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Thứ hai, xây dựng quy hoạch du lịch: Trước Quy hoạch ban hành ngày 30/8/2018, tỉnh Ninh Bình đã có các quy hoạch và định hướng liên quan đến

phát triển du lịch, nhưng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch năm 2018 là quy hoạch chuyên biệt đầu tiên tập trung vào lĩnh vực du lịch của tỉnh. Trong đó, đã xác định mục tiêu chung và các mục tiêu với chỉ số cụ thể phù hợp với bối cảnh thời điểm đó. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 bất ngờ diễn ra và gây ra những tác động tiêu cực đến ngành du lịch Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng. Vì vậy, một số mục tiêu và giải pháp trong Quy hoạch năm 2018 không thể thực hiện được. Điều này đã đến việc chính quyền tỉnh Ninh Bình đề xuất những thay đổi trong Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ.

Thứ ba, xây dựng các chính sách hỗ trợ du lịch

Trong giai đoạn 2015-2023, đặc biệt trong thời kỳ đại dịch COVID-19, tỉnh Ninh Bình đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến ngành du lịch và thúc đẩy phục hồi sau đại dịch như: Giảm giá điện cho các cơ sở lưu trú du lịch tại Ninh Bình; giảm tiền thuê đất; giảm phí cấp phép kinh doanh lữ hành và thẻ hướng dẫn viên; hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch.

4.2.3.2. Quản lý điểm đến

* Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên

Trong giai đoạn 2015-2018, tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của tỉnh, đặc biệt là về bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Việc thành lập các Ban quản lý đã từng bước đạt kết quả, trong đó các giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản được bảo tồn nguyên vẹn, các hoạt động quản lý, giám sát chặt chẽ và giảm thiểu tác động tiêu cực tới thiên nhiên. Các nghiên cứu khoa học về môi trường và sinh thái thường xuyên được tiến hành để theo dõi tình trạng của hệ sinh thái, đánh giá tác động của du lịch Sang giai đoạn 2019-2023, công tác bảo tồn tiếp tục được chú trọng như Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long được công nhận là khu Ramsar vào năm 2019, đánh dấu bước tiến quan trọng trong bảo tồn sinh thái tại Ninh Bình. Thành lập các cơ sở bảo tồn và cứu hộ động vật hoang dã quý hiếm. Đặc biệt, năm 2022 là năm thứ tư liên tiếp Vườn Quốc gia Cúc Phương được Tổ chức Giải thưởng Du lịch Thế giới bình chọn là Vườn quốc gia hàng đầu châu Á.

* Bảo tồn tài nguyên văn hóa

Giai đoạn 2015-2018, công tác quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa ở tỉnh Ninh Bình được phân định rõ ràng giữa các cấp chính quyền khác nhau, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong giai đoạn này, nhiều công trình đã được tu bổ, tôn tạo Tuy nhiên, công tác bảo tồn vẫn gặp không ít khó khăn. Từ năm 2019, công tác bảo tồn tiếp tục được quan tâm bằng các nhiệm vụ cụ thể. Đầu tiên, đó là đánh giá, kiểm kê di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh. Hơn nữa, việc thành lập các câu lạc bộ nghệ thuật và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống trong đời sống hằng ngày góp phần vào việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa địa phương. Bên cạnh nghệ thuật biểu diễn, tỉnh còn chú trọng việc truyền tải nghề thủ công ở các làng nghề truyền thống.

* Quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng

Từ 2019 đến nay, đầu tư của khu vực công lên tới 869,329 tỷ đồng, trong

đó, 839,329 tỷ đồng được phân bổ riêng cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch và 30 tỷ đồng được dành cho việc trùng tu các di tích lịch sử và văn hóa. Từ năm 2019 đến nay đã thu hút trên 13 dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách, với số tiền đầu tư theo tổng mức đầu tư được chấp thuận khoảng 1.755 tỷ đồng, nhấn mạnh sự quan tâm và niềm tin ngày càng tăng vào tiềm năng của ngành du lịch. Tuy nhiên, còn hạn chế về các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao, một mặt đã không kích thích được khả năng chi tiêu của khách, mặt khác đã hạn chế thời gian lưu trú của họ, hạn chế khả năng thu hút khách du lịch đến với tỉnh Ninh Bình. Đây là một trong những nguyên nhân khách du lịch lưu trú ở Ninh Bình ngắn ngày, ảnh hưởng đến mức chi tiêu...

*** Cải thiện môi trường kinh doanh**

Giai đoạn 2018 - 2022, điểm số PCI tổng thể của tỉnh Ninh Bình tăng nhẹ từ 63.55 lên 64.22, nhưng thứ hạng lại giảm từ 29 xuống 44. Sự tụt hạng này cho thấy mặc dù môi trường kinh doanh tại Ninh Bình có cải thiện, nhưng tốc độ phát triển chậm hơn nhiều tỉnh thành khác, khiến sức hút đầu tư và tính cạnh tranh của địa phương suy giảm tương đối. Bên cạnh đó, trong công tác quản lý giá, chính quyền cấp tỉnh đã tích cực chỉ đạo việc xây dựng phương án giá dịch vụ sử dụng, phí tham quan đảm bảo phù hợp với thực tế và tạo điều kiện tốt nhất để thu hút khách du lịch.

*** Đảm bảo an ninh, an toàn**

Từ năm 2015, tỉnh đã xác định các khu vực là điểm nóng về du lịch, đó là: Tràng An, chùa Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động. Công an tỉnh đã phối hợp với các đơn vị vận hành, khai thác hệ thống giám sát an ninh để giải quyết kịp thời các tình huống phức tạp xảy ra, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, góp phần thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án đã triển khai. Từ năm 2019 đến nay, tỉnh Ninh Bình thường xuyên tổ chức các sự kiện, hoạt động lớn, vì vậy, công tác đảm bảo an ninh, an toàn tại các khu, điểm du lịch được quan tâm chỉ đạo và thực hiện tốt, có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Du lịch - Công an với các sở, ngành, chính quyền địa phương và đơn vị quản lý khu, điểm du lịch. Công tác y tế luôn được đảm bảo.

4.2.3.3. Các chiến lược phát triển điểm đến

*** Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch**

Từ năm 2018 trở về trước, dựa trên việc tận dụng nguồn tài nguyên du lịch, văn hóa - lịch sử đặc sắc, phong phú và đa dạng, Ninh Bình đã từng bước đầu tư khai thác và hình thành các sản phẩm du lịch, bao gồm: du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh; du lịch tham quan thắng cảnh thiên nhiên; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Từ năm 2019, để duy trì và nâng cao sự cạnh tranh, ngành du lịch đang tập trung phát triển đa dạng hóa các sản phẩm du lịch như: du lịch MICE, du lịch thể thao, du lịch cộng đồng, nông thôn (gắn với nông nghiệp công nghệ cao) và đang xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế du lịch về đêm trên 04 lĩnh vực dịch vụ: văn hóa, vui chơi giải trí, ăn uống, mua sắm và tham quan du lịch.

*** Chiến lược quảng bá du lịch**

Từ năm 2015 - 2018, tỉnh thực hiện chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch chủ yếu trong nước và dựa trên các nền tảng truyền thống. Từ năm 2019, các cấp chính quyền đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, đến đông đảo

khách du lịch trong và ngoài nước; thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có tiềm lực đến nghiên cứu, khảo sát đầu tư các dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch được chú trọng đầu tư có chiều sâu, có trọng điểm, được triển khai thực hiện đa dạng, phong phú dưới nhiều hình thức.

*** Chiến lược chuyển đổi số**

Cơ sở hạ tầng viễn thông đã mở rộng đáng kể, cung cấp phạm vi phủ sóng Internet băng thông rộng và di động rộng khắp trên toàn tỉnh. Nhiều giải pháp mới được triển khai như phát triển ứng dụng du lịch thông minh, số hóa dữ liệu du lịch; hệ thống ki-ốt, được đặt ở vị trí chiến lược, triển khai mạng Wi-Fi du lịch thông minh tại các điểm du lịch, truy cập Internet tốc độ cao, miễn phí. Cổng thông tin du lịch Ninh Bình đóng vai trò là nền tảng số toàn diện, cung cấp thông tin cần thiết về du lịch.

*** Chiến lược phát triển nguồn nhân lực**

Trong giai đoạn, Ninh Bình chứng kiến sự gia tăng về lực lượng lao động trong ngành du lịch. Song song với lao động trực tiếp, lao động gián tiếp trong ngành du lịch Ninh Bình cũng có quỹ đạo tăng trưởng và thay đổi. Chính quyền tỉnh đã phối hợp với nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo khác nhau đã triển khai một loạt chương trình nhắm đến các lĩnh vực khác nhau trong ngành du lịch.

*** Chiến lược liên kết, hợp tác phát triển du lịch**

Trong giai đoạn 2015 - 2018, chiến lược liên kết và hợp tác phát triển du lịch của Ninh Bình chủ yếu tập trung trong nước, với các hoạt động quảng bá và hợp tác vùng còn hạn chế về quy mô và phạm vi. Đến giai đoạn 2019 - 2023, tỉnh chuyển sang giai đoạn hợp tác toàn diện hơn, mở rộng liên kết trong nước và quốc tế, đồng thời xây dựng các chiến lược dài hạn để phát triển du lịch và thu hút đầu tư lớn.

4.2.3.4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá

Chính quyền tỉnh Ninh Bình đã triển khai nhiều giải công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh du lịch như giám sát việc cấp phép kinh doanh du lịch, bao gồm các lĩnh vực lữ hành, lưu trú, dịch vụ ăn uống và vận tải du lịch. Qua kiểm tra, giám sát hoạt động du lịch đã phát hiện ra nhiều hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện.

Dựa trên các tiêu chí đánh giá đã được xây dựng tại Chương 2 và thực trạng về vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình, luận án rút ra một số đánh giá như sau: Chính quyền tỉnh Ninh Bình đã xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, đặt mục tiêu cụ thể trong nghị quyết và đề án phát triển đến 2030–2045, khẳng định cam kết lâu dài. Tỉnh tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, công trình văn hóa và gắn kết phát triển du lịch với kinh tế - xã hội, hướng tới mô hình “đô thị di sản”. Công tác bảo tồn di sản được chú trọng thông qua các ban quản lý chuyên trách, nghị quyết bảo tồn và hợp tác quốc tế, đảm bảo khai thác bền vững. Chính quyền ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, phục hồi sau COVID-19, đặc biệt là Nghị quyết 105 tập trung vào nguồn nhân lực, quảng bá và hạ tầng. Thương hiệu du lịch được định hình với bộ nhận diện “Ninh Bình – Tuyệt sắc miền Cố đô”, quảng bá trên các kênh quốc tế và nền tảng số, góp phần nâng cao

hình ảnh. Cuối cùng, công tác kiểm tra, giám sát và đảm bảo môi trường kinh doanh, an ninh, an toàn du lịch được tăng cường, tạo niềm tin và sự yên tâm cho du khách.

4.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

4.3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, lượng khách du lịch đến Ninh Bình tăng mạnh, đặc biệt năm 2019 khách quốc tế đạt hơn 915 nghìn lượt và khách lưu trú qua đêm gần gấp đôi, thể hiện sức hút lớn của điểm đến.

Thứ hai, tỉnh khai thác tốt lợi thế tài nguyên tự nhiên và văn hóa, hình thành các điểm du lịch trọng tâm như Tràng An, Vân Long, Cúc Phương, với di sản và lễ hội được đánh giá cao.

Thứ ba, chính quyền ban hành nhiều nghị quyết, đề án và chính sách cụ thể, xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời ưu tiên phát triển hạ tầng, dịch vụ và môi trường kinh doanh thuận lợi.

Thứ tư, chính quyền tỉnh Ninh Bình đã thực hiện tốt công tác quản lý và phát triển điểm đến, song song với việc phát huy các nguồn lực tự nhiên, văn hóa, chính quyền tỉnh Ninh Bình

Thứ năm, tỉnh tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động du lịch, xử lý vi phạm, đảm bảo chất lượng dịch vụ, an ninh và an toàn cho du khách.

Kết quả là, lượng khách và doanh thu du lịch tăng trưởng ấn tượng, khẳng định Ninh Bình đang ở giai đoạn phát triển mạnh với chiến lược bài bản và hiệu quả.

4.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

4.3.2.1. Những hạn chế

* Hạn chế trong xây dựng chính sách, quy hoạch

Hiện tại, các chính sách thu hút đầu tư của Ninh Bình còn thiếu các cơ chế ưu đãi đặc biệt dành riêng cho các đối tác lớn, các tập đoàn quốc tế có tiềm lực mạnh về tài chính và kinh nghiệm phát triển du lịch. Một số chính sách triển khai còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền từ tỉnh đến huyện, xã. Mặc dù các quy hoạch phát triển du lịch đã được phê duyệt và triển khai tới các địa phương, nhưng thực tế cho thấy nhiều khu vực vẫn chưa thực sự chủ động trong việc triển khai thực hiện quy hoạch.

* Hạn chế trong quản lý điểm đến

Việc khai thác và tích hợp những giá trị văn hóa – lịch sử vào sản phẩm du lịch còn hạn chế, chưa tạo được sự khác biệt và hấp dẫn cho du khách. Nhiều di tích trên địa bàn tỉnh, đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Ngoài ra, còn tồn tại những hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là trong các dịch vụ cao cấp và khu vui chơi giải trí. Công tác quản lý khủng hoảng và ứng phó với các tình huống khẩn cấp vẫn bộc lộ một số hạn chế cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả trong tương lai.

* Hạn chế trong phát triển điểm đến

Công tác truyền thông, quảng bá còn hạn chế về quy mô, kinh phí, nội dung và phương pháp xúc tiến, quảng bá, truyền thông thương hiệu. Ngân sách đầu tư cho xúc tiến quảng bá thị trường khách quốc tế còn khiêm tốn. Ninh Bình chưa đầu tư đủ vào hạ tầng công nghệ để hỗ trợ hoạt động du lịch. Ninh Bình

đang phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng thích hợp cho ngành du lịch.

* Hạn chế trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá

Một số tổ chức và cá nhân vẫn chưa tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong hoạt động du lịch. Những vi phạm này gây khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng.

4.3.2.2. Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan

Du lịch Ninh Bình phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các điểm đến trong và ngoài nước có hạ tầng và dịch vụ hiện đại, đa dạng sản phẩm. Biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan gây rủi ro cho cảnh quan và môi trường du lịch. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh tạo áp lực lên hạ tầng và đe dọa di sản. Bên cạnh đó, nhu cầu du lịch ngày càng đa dạng nhưng Ninh Bình chưa đáp ứng đủ, một số bất cập pháp luật còn cản trở phát triển. Đại dịch COVID-19 cũng khiến ngành du lịch toàn cầu, trong đó có Ninh Bình, suy giảm nghiêm trọng.

* Nguyên nhân chủ quan

Công tác truyền thông, quảng bá du lịch còn thiếu kết nối và ứng dụng công nghệ hiện đại. Bộ máy quản lý hành chính còn cồng kềnh, phân cấp chưa rõ ràng, làm chậm tiến độ dự án. Ngân sách và năng lực doanh nghiệp hạn chế, nhân lực tại cấp huyện, xã còn mỏng và thiếu chuyên môn. Sản phẩm du lịch chủ yếu khai thác thế mạnh sẵn có, thiếu đổi mới sáng tạo. Sự tham gia của cộng đồng chưa thực chất, ứng dụng công nghệ số còn dừng ở mức thử nghiệm. Ngoài ra, hạ tầng hỗ trợ chưa đồng bộ, thiếu sân bay và dịch vụ cao cấp khiến Ninh Bình kém hấp dẫn hơn các điểm đến cạnh tranh.

Chương 5

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

5.1. BỐI CẢNH MỚI

5.1.1. Bối cảnh du lịch trong thời gian tới

- Bối cảnh thế giới.
- Bối cảnh Việt Nam.

5.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội và du lịch của tỉnh Ninh Bình

- Bối cảnh kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Một số định hướng.

5.2. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

5.2.1. Nâng cao chất lượng trong xây dựng chính sách, quy hoạch

Thứ nhất, tỉnh Ninh Bình cần sớm xây dựng một Nghị quyết hay Đề án chuyên đề về phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa.

Thứ hai, chính quyền tỉnh xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo sự nhất quán trong chỉ đạo và thực thi chính sách.

Thứ ba, đảm bảo cơ chế phân bổ ngân sách rõ ràng trong triển khai quy hoạch du lịch.

Thứ tư, xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp và cộng đồng cùng tham gia vào quá trình thực hiện quy hoạch, tạo ra sự đồng thuận và tận dụng tối đa các nguồn lực xã hội trong phát triển du lịch.

5.2.2. Quản lý điểm đến

Thứ nhất, tăng cường thẩm quyền cho UBND cấp xã mới sau sáp nhập là một giải pháp cần thiết nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt và kịp thời trong công tác quản lý du lịch tại cơ sở.

Thứ hai, triển khai các giải pháp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa lịch sử.

Thứ ba, cải thiện môi trường kinh doanh thông qua cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng.

Thứ tư, đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng.

Thứ năm, đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

5.2.3. Các chiến lược phát triển điểm đến

Thứ nhất, phát triển các sản phẩm du lịch mới, đẩy mạnh du lịch giải trí - công nghiệp văn hóa với các tổ hợp vui chơi, trung tâm biểu diễn, show diễn thực cảnh, các sự kiện, lễ hội mang tầm khu vực và quốc tế.

Thứ hai, đổi mới truyền thông, quảng bá du lịch.

Thứ ba, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

Thứ tư, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch.

5.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển du lịch gắn với việc kịp thời sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch.

5.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Luận án kiến nghị cụ thể với Chính phủ và với bộ, ngành Trung ương (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính).

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu tìm hiểu và hoàn thiện hơn cơ sở lý luận về NLCT điểm đến du lịch, luận án đã đánh giá NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình đồng thời đánh giá vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong nâng cao NLCT điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình, nhận diện thách thức và thời cơ, đưa ra một số khuyến nghị về giải pháp. Luận án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

Thứ nhất, Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước về điểm đến du lịch cấp tỉnh và NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, đề tài xác định được khoảng trống nghiên cứu.

Thứ hai, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ khái niệm NLCT điểm đến du lịch cấp tỉnh dưới góc độ quản lý kinh tế, xác định các yếu tố cấu thành và vai trò của chính quyền địa phương trong hoạch định chính sách, quy hoạch, quản lý và phát triển. Đặc biệt, luận án đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá NLCT phù hợp với điều kiện cấp tỉnh – một đóng góp mới so với các nghiên cứu trước đây.

Thứ ba, luận án đã phân tích toàn diện giai đoạn 2015–2023, cho thấy du lịch Ninh Bình đã khẳng định vị thế là ngành kinh tế mũi nhọn với nhiều kết quả nổi bật. Bên cạnh đó, luận án chỉ ra những hạn chế: chính sách chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư lớn; quy hoạch tập trung vào “vùng lõi” trong khi vùng tiềm năng chưa khai thác mạnh; cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cao cấp còn thiếu; nguồn nhân lực du lịch còn hạn chế; quảng bá quốc tế chưa hiệu quả; ứng dụng công nghệ du lịch thông minh chưa toàn diện. Ngoài ra, công tác kiểm tra giám sát còn tồn tại, dữ liệu chưa chuẩn hóa, ảnh hưởng đến quản lý và điều chỉnh chính sách. Luận án đã phân tích mức độ cạnh tranh của các nhân tố, trong đó các nguồn lực cốt lõi và điểm thu hút có tác động mạnh nhất đến NLCT của Ninh Bình.

Thứ tư, luận án đã đề xuất bốn nhóm giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao NLCT điểm đến, nhấn mạnh vai trò trung tâm của chính quyền tỉnh trong định hướng phát triển.

Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho chính quyền địa phương, các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế khi mới tập trung vào giai đoạn 2015–2023, trong khi bối cảnh kinh tế - xã hội có thể thay đổi lớn sau quá trình sáp nhập đơn vị hành chính. Những biến động này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu kinh tế, tổ chức quản lý, phân bổ nguồn lực và định vị thương hiệu du lịch. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu trong bối cảnh mới để đưa ra giải pháp phù hợp, giúp Ninh Bình duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững trong dài hạn./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Bùi Xuân Tùng (2023), “Enhancing the tourism destination competitiveness of Ninh Binh in a sustainable way”, *Proceedings the sixth international conference on Sustainable economic development and business management in the context of globalisation* (SEDBM-6), Nxb Tài chính, Hà Nội.
2. Bùi Xuân Tùng (2024), “Nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình trong điều kiện mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/27/nang-cao-nang-luc-can-phanh-diem-den-du-lich-tinh-ninh-binh-trong-dieu-kien-moi/>
3. Bùi Xuân Tùng (2024), “Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (14), tr.210-213.
4. Bùi Xuân Tùng (2024), “Các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh Ninh Bình”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (16), tr.200-203
5. Bùi Xuân Tùng (2024), “Kinh nghiệm từ một số mô hình nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch và bài học cho Ninh Bình”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (18), tr.237-240.